

những cuốn sách được dư luận đánh giá là cây bút rất đúng mực và đáng tin cậy. Trong văn phê bình của anh, có thể thấy anh không xa lạ với các lý thuyết văn chương, nhưng những thứ đó chỉ là "phông nền", chỉ như là những công cụ để anh lý giải các hiện tượng văn học Việt Nam đương đại. Anh là cây bút phê bình tự đặt mình trước cái đẹp của văn chương, không bị "khúc xạ" bởi bất cứ lý do nào ngoài văn bản, không ưa trích dẫn những kiến thức đã "đóng hộp", "ướp lạnh"... Chỉ dẫn ra một "xêry" 14 bài viết của anh về Nguyễn Khoa Điềm, Lưu Quang Vũ, Phạm Ngọc Cảnh, Thu Bốn, Trần Đăng Khoa, Hữu Thỉnh, rồi Y Phương, Anh Ngọc, Hoàng Nhuận Cầm, Phùng Khắc Bắc... trong cuốn sách *Bóng người trong bóng núi* (2) gần đây của anh cho thấy sự kỹ lưỡng trong nắm bắt nguồn gốc văn bản, sự tinh tế trong tư duy thẩm bình, sự chắc chắn và thuyết phục trong khái quát nhận định, thái độ nghiêm khắc nhưng trân trọng đối với đồng nghiệp. Đọc những bài viết ấy, thấy cái trang nhã của văn phê bình, thấy cái hay và cái đẹp của văn chương, những thứ thật đáng để chúng ta bỏ công theo đuổi, cũng như có thể cảm nhận được những rung động rất thi sĩ trong ngòi bút của anh.

Vừa làm thơ vừa viết phê bình văn học, Lê Thành Nghị đã ra mắt bạn đọc hơn một chục cuốn sách và được tặng nhiều giải thưởng, trong đó có giải thưởng Nhà nước năm 2012. Anh mang số tiền thưởng, cộng với số tiền dành dụm sau mấy chục năm đi làm, cung tiến tôn tạo lại con đường làng, nơi ngày trước từ đó anh ra đi. Quê hương nghèo khổ thường trở đi trở lại trong thơ anh, gọi anh về: *Con đường bóng mẹ liêu xiêu/ Bao nhiêu thương nhớ, bao nhiêu đợi chờ...* (Về quê). Tha hương dễ đã trên năm mươi năm, đi về dễ đã mấy chục lần, vậy mà vẫn hồi hộp như một đứa nhỏ mỗi khi chạm đến dấu ngỏ.

Vậy là chúng ta có một người làm công việc phê bình văn học kiêm luôn công việc của một nhà thơ. Có gì khác thường ở đây không? Tôi nghĩ là không. Có một sự nhất quán giữa công việc nghiên cứu phê bình văn học qua việc nắm vững các nguyên lý về cái đẹp và thực tiễn sáng tạo của Lê Thành Nghị. Thơ anh được viết theo sự dắt dẫn của một thứ, mà chúng ta vẫn quen gọi đó là ánh sáng của lý luận. Nhưng nó lại không rơi vào tư biện, lý trí, mà thấm đẫm chất suy cảm, nghe rõ nhịp đập của trái tim. Nhà phê bình văn học Bùi Công Thuấn viết rằng: *"Nếu đọc được một câu thơ hay thì thật là hạnh phúc...Tôi đã gặp được những câu thơ đầy ấp hạnh phúc của Lê Thành Nghị"* (3). Tôi cũng vậy, bị mê dục trước những câu thơ của anh, mà một phần nhỏ tôi đã trích dẫn trên đây để bạn đọc có thể hình dung. Đến với thơ anh, dường như đến trước một mặt hồ yên lặng, bí mật, tin cậy mà ở tầng đáy có những mầm sen nhỏ đang chờ "cất cánh bay", như ý một câu thơ đẹp của anh, mà tôi đã dẫn trên kia.■

CHÙA KEO

MỘT CÔNG TRÌNH KIẾN TRÚC CỔ ĐỘC ĐÁO

VŨ ĐÀM

Từ trên bờ đê, xa xa du khách đã có thể thấy tháp thoáng ngôi chùa Keo cổ kính dưới chân đê nằm ở thôn Dũng Nhuệ, xã Duy Nhất, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Càng lại gần lại càng bị mê hoặc bởi phong cảnh hữu tình nơi đây. Cây cối và hồ nước như tôn thêm cho ngôi chùa sự thanh tịnh hàng trăm năm vốn có.

CHÙA Keo đã được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt bởi lối kiến trúc độc đáo, hiếm có và điều vô giá là ngôi chùa vẫn giữ được sự cổ kính nguyên sơ trong gần 400 năm nay. Vào năm Tân Sửu 1061, thiền sư Không Lộ, một người tu hành uyên bác đã từng tu luyện tại Tây Trúc năm 1060 và chữa bệnh cho vua Lý Thần Tông khỏi bệnh hóa hổ, được vua phong làm Quốc sư, đã cho xây dựng ngôi chùa có tên Nghiêm Quang tự ở làng Keo. Đến đời vua Lý Anh Tông, năm 1167, chùa được đổi tên thành Thần Quang tự. Năm 1611, chùa Thần Quang bị lũ lụt tàn phá, sông Hồng cũng bị sạt lở khiến dân làng phải di dời chỗ ở và dựng lại chùa Thần Quang - chính là chùa Keo ngày nay. Người dựng lại chùa Keo là quận công Tuấn Thợ hầu Hoàng Nhân Dũng ở làng Tứ Quán, phủ Hải Thanh và vợ ông là Lại Thị Ngọc Lễ. Chùa Trịnh chỉ cấp 100 cây gỗ lim, còn lại tất cả nguyên vật liệu khác và công sức xây dựng đều do nhân dân và vợ chồng quận công đóng góp; do ảnh hưởng của cuộc nội chiến Trịnh - Nguyễn nên công cuộc vận động dựng lại chùa Keo kéo dài 19 năm mới đủ nguyên vật liệu. Tháng 7 năm 1630, quan Tuấn Thợ hầu đã mời được 42 hiệp thợ giỏi để thi công xây dựng chùa trong 28 tháng. Chùa Keo được khánh thành vào tháng 11 năm Nhâm Thân 1632 trên diện tích đất rộng 58.000m² gồm 21 công trình với 157 gian. Hiện nay, chùa Keo còn 17 công trình với 128 gian trên diện tích 2.022m².

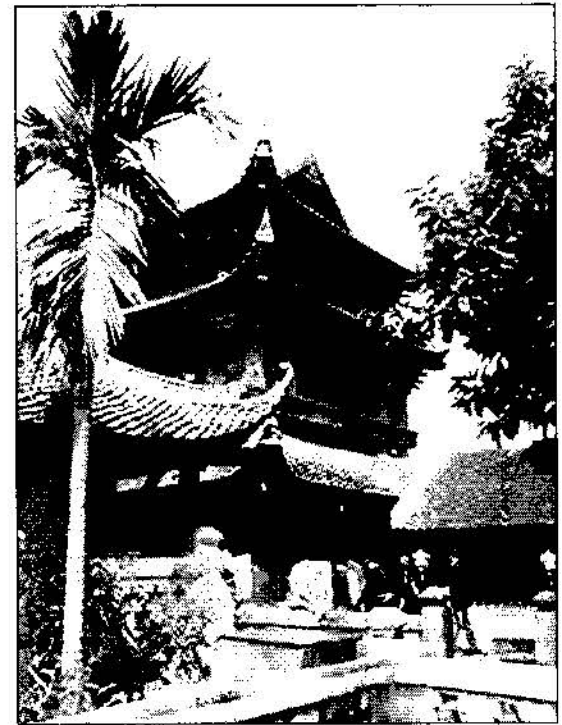
Trải qua gần 400 năm tồn tại, chùa Keo vẫn còn giữ gần như nguyên vẹn các giá trị kiến trúc cổ, gỗ lim, đá, mái ngói rêu phong và không có bê tông cốt thép. Chùa Keo là một bảo tàng nghệ thuật điêu khắc thế kỷ XVII, với nhiều kiệt tác đặc sắc.

Kiến trúc tổng thể chùa Keo hài hòa và cân đối không chỉ giữa các công trình mà còn hài hòa cả với thiên nhiên. Chùa kiến trúc theo kiểu: "Nội nhị công, ngoại nhất quốc". Từ trên đế bước xuống bậc tam cấp, qua khu sân rộng có nhiều cây lớn tỏa bóng, chúng ta bắt gặp Tam quan của chùa được xây 3 gian, 4 mái đặt trên 3 hàng chân cột, còn 2 cổng phụ hai bên được xây bằng gạch theo kiểu chồng diêm 2 tầng 8 mái. Qua Tam quan, du khách bắt gặp hồ nước phẳng lặng, hai bên tả - hữu có con đường lát gạch dẫn vào chính chùa: "Tiền Phật - hậu Thánh". Ngoài ra, hai bên hành lang là hai bia đá cổ, khắc ghi lịch sử xây dựng của chùa. Tiền đường gồm 5 gian có đặt tượng: Hộ pháp, Khuyến thiện, Trừ ác, Đức ông, Thập điện diêm vương. Thượng điện thờ Quán âm thế chi thiên nhân, quán âm Nam Hải, Phật bộ di đà tam môn, Hoa nghiêm tam thánh, Quán âm tọa sơn. Trong tòa Tam bảo có những bức tượng hết sức quý giá như tượng Quán âm Bồ tát, Quán âm tọa sơn, Thập bát La hán, tượng A di đà có niên đại từ thế kỷ 17, 18.

Khu đền thánh thờ đức Dương Không Lộ được kết nối với khu thờ Phật gồm tòa giá rọi, tòa thiêu hương, tòa phụ quốc và thượng điện. Những công trình này nối tiếp với nhau tạo thành một kết cấu kiểu chữ công. Đặc biệt, pho tượng vô giá làm bằng gỗ trầm hương tạc Thiền sư Không Lộ đã gần 1.000 năm được đặt trong cung cấm, du khách chỉ có thể đứng ở bên ngoài cửa để chiêm bái và vái vọng Ngài. Không chỉ có những bức tượng vô giá mà trong tòa Tam bảo còn có những bức đại tự chữ vàng, câu đối khảm trai được chạm khắc tinh xảo. Nhiều cổ vật quý hiếm cũng được lưu giữ trong chùa Keo cho đến ngày nay như: Bộ thuyền rồng, Bộ hạc khí, chuông đồng, đôi chân đèn đời Mạc. Tương truyền bộ tràng hạt bằng ngà, một bình vôi to là đồ dùng của thiền sư và ba vỏ ốc lông lảnh như dát vàng chính do Không Lộ nhặt được thuở còn làm nghề đánh cá và giữ làm chén uống nước trong những năm tháng tu hành.

Tượng Phật, tượng Thánh với những nét chạm khắc tinh xảo, tất cả như chìm trong ánh nến lung linh, trong làn khói hương thơm ngát, khiến du khách như lạc vào cõi Phật linh thiêng, huyền ảo.

Hai bên chùa chính là hai dãy hành lang, mỗi dãy gồm 33 gian được kiến tạo theo lối kiến trúc Cột - Kèo - Mái để du khách sắp lễ và nghỉ ngơi; gần đó là hai hồ nước bao quanh, trên bờ có bóng cây tỏa mát, có ghế đá cho du



Gác chuông chùa Keo

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Chùa Keo

*Chùa Keo có cây bồ đề trăm tuổi
Người quét chùa quét mái lá vàng rơi
Đời cây mãi xanh đời người ngắn ngủi
Dòng sông phù du bao đợt lũ bồi*

*Tiếng chuông chùa buông chùng đờ nhịp
Người trăm vùng nghe vọng tiếng chuông ngân
Hội chùa Keo hàng năm vẫn mở
Ai ở xa thì xin đến một lần*

*Áo em trắng mùa xuân này thêm tuổi
Theo bạn bè đi lễ hội chùa Keo
Mùa xuân sau em lấy chồng xứ khác
Phận gái đường xa mong cánh bèo*

*Mẹ vẫn áo nâu sống thuở trước
Một đời người vất vả chống con
Lối vào chùa liêu xiêu dáng mẹ
Đầu cỏ lên xanh, bạc đá mòn*

*Chùa Keo tự bao đời vẫn đó
Mái ngói loang màu rêu thời gian
Dòng chữ khắc trên mộ bia mờ tỏ
Vị sư già kinh Phật mở nghìn trang*

*Hội tượng Phật giữa mịt mờ sương khói
Có biết trần gian lắm nắng mưa?
Kìa bóng hoa báo mùa xuân mới
Kìa lá vàng rơi trước cổng chùa...*

khách ngồi nghỉ, hưởng làn gió mát từ mặt hồ hắt lên. Không chỉ có 3 hồ nước mát lành, trong khuôn viên chùa Keo còn có một cái giếng cổ độc đáo được xây nên từ 33 chiếc cối đá cổ, thủng đáy. Tại sao lại là cối đá thủng? Tương truyền rằng, đây chính là những cối đá dùng để giã gạo nuôi thợ xây chùa, giã nhiều nên thủng. Đây là thông điệp mà những người thợ muốn gửi rằng, có công mài sắt có ngày nên kim và cũng nhờ sự kiên trì đó, chùa Keo đã được hoàn thành.

Nói đến chùa Keo, không thể không nói đến Tháp chuông, nó là biểu tượng của chùa, biểu tượng của văn hóa tâm linh đã được giới thiệu trên rất nhiều phương tiện thông tin đại chúng. Tháp chuông là tác phẩm kiến trúc độc đáo, cao 11,04m, được coi là tháp chuông cao nhất trong tất cả hệ thống chùa ở Việt Nam. Nó hoàn toàn được kiến trúc bằng gỗ gồm 3 tầng, mỗi tầng 4 mái, hệ thống chấn song cũng được làm bằng gỗ nhưng có họa tiết rồng mây, hoa lá. Hiện nay, trong Tháp có treo một chiếc Khánh đá cổ, dài 1m và chiếc chuông đồng cao 1m3, đường kính 0,9m được đúc vào năm 1686 đời vua Lê Hy Tông và hai chiếc chuông nhỏ hơn cao 0,62m, đường kính 0,69m được đúc vào năm 1796 thời Cảnh Thịnh.

Hàng năm, lễ hội chùa Keo diễn ra vào mùa Xuân từ mồng 4 Tết và hội mùa Thu từ ngày 13 tháng 9 Âm lịch đến ngày Rằm chính hội, ngoài việc tế, lễ, rước kiệu, hội còn thi bơi chải trên sông và các nghi thức bơi chải cạn châu Thánh, múa ếch vồ, kéo nứa lấy lửa, nấu xôi, nấu chè và nấu cơm chay để mang cúng Thánh; bắt vịt, hát chèo trên du thuyền đã thu hút được hàng vạn du khách ở trong và ngoài tỉnh đến tham dự. Bởi vậy, dân gian có câu ca dao về hội chùa Keo:

*Dù cho cha đánh mẹ treo
Em không bỏ hội chùa Keo hôm Rằm.■*

1. Trong tập *Còn lại sau ngôn từ* của Lê Thành Nghị, NXB Văn học, 2016.

2. Lê Thành Nghị, *Bóng người trong bóng núi*, Tiểu luận phê bình, NXB Lao Động, 2017.

3. Bùi Công Thuấn: *Đọc thơ Lê Thành Nghị*, Nhà văn & Tác phẩm số 5 và 6 năm 2016.